

Số: **159**/CTĐB26-BCTN

Đăk Lăk, ngày 19 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26

I- Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CP QUẢN LÝ & XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ 26**
- Tên tiếng Anh: **ROAD MANAGEMENT & CONSTRUCTION JOIN-STOCK COMPANY 26**
- Tên viết tắt: **ROMACO26**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đăk Lăk số: 6000234922, đăng ký lần đầu ngày 15/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/6/2012.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng)
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 16.057.726.851 VNĐ
- Địa chỉ giao dịch: 387 Phạm Văn Đồng – Phường Tân Hòa – Thành phố Buôn Ma Thuột – Tỉnh Đăk Lăk.
- Điện thoại: 0500 3823027 – 823483 Fax: 0500 3823452
- Website: duongbo26.vn – duongbo26.com.vn
- Mã cổ phiếu: D26 – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 26/03/1992 theo Quyết định số 398/1992/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ giao thông vận tải về việc thành lập Phân khu quản lý đường bộ 26 trên cơ sở tách từ Phân khu quản lý đường bộ Đăk Lăk.

Ngày 25/03/1998 theo Quyết định số 494/1998/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ giao thông vận tải về việc thành lập doanh nghiệp công ích Công ty QL&SC đường bộ 26 trên cơ sở chuyển đổi Phân khu QL&SC đường bộ 26.

Ngày 25/11/2005 theo Quyết định số: 4044/QĐ-BGTVT của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển công ty QL&SC đường bộ 26 thành Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26.

Ngày 15/07/2006 Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26 chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 21/12/2010 cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và chính thức giao dịch trên sàn Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 10/01/2011.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

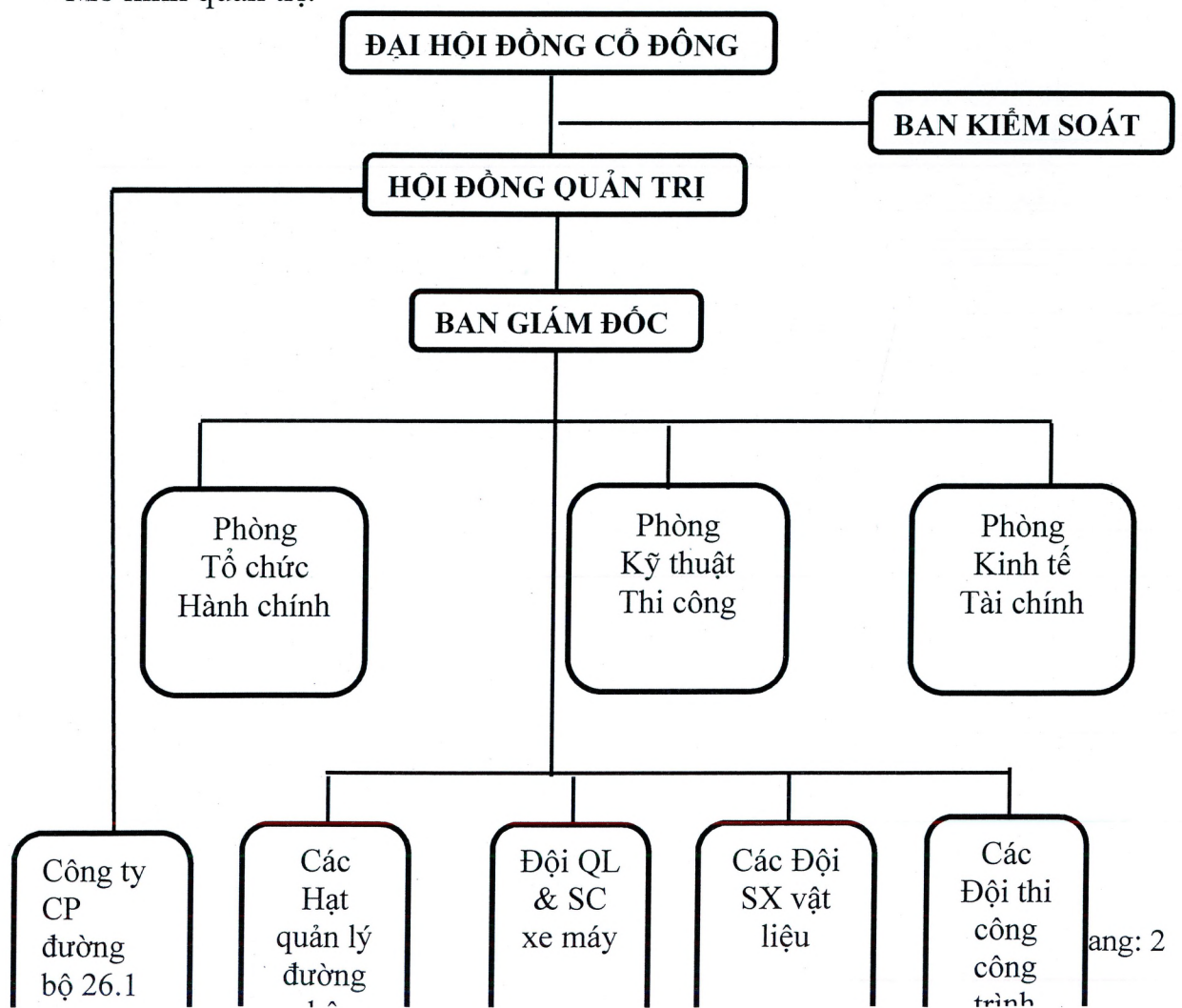
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện;

- + Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất gạch không nung;
- + Tư vấn kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm vật liệu xây dựng, tư vấn quản lý điều hành dự án;
- + Cho thuê xe có động cơ;
- + Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- + Bán lẻ dầu hỏa, gas, than, nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Quản lý, bảo trì cơ sở hạ tầng đường bộ;
- + Tổ chức thu phí đường bộ;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Sản xuất bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
- + Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- + Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Địa bàn kinh doanh chính: Tại các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy công ty:

- Mô hình quản trị:



- Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:
 - + Số thành viên Hội đồng quản trị: 5 thành viên.
 - + Số thành viên Ban kiểm soát: 3 thành viên.
 - + Số cổ đông có đến ngày 31/12/2015: 103 cổ đông.
- Tổ chức bộ máy sản xuất của công ty hiện tại như sau:
 - + Tổng số lao động: 125 người; Tr.đó: Nam 107 người (86%), Nữ 18 người (14%), Dân tộc thiểu số: 04 người
 - + Trình độ chuyên môn: Đại học cao đẳng: 30 người (24%); Trung cấp: 04 người (3%); Công nhân kỹ thuật + Sơ cấp: 61 người (49%) Lao động phổ thông: 30 người (24%).
 - + Cơ cấu lao động: Lao động gián tiếp: 42 người (34%); Lao động trực tiếp: 83 người (66%).
 - + Cơ cấu tổ chức công ty gồm: Ban giám đốc: 2 người; 03 Phòng nghiệp vụ và 08 Đơn vị trực thuộc.
- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty cổ phần đường bộ 26.1
- + Địa chỉ giao dịch: 387 Phạm Văn Đồng – Phường Tân Hòa – Thành phố Buôn Ma Thuột – Tỉnh Đắk Lắk.
- + Ngành nghề kinh doanh:
 - Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện;
 - Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất gạch không nung;
 - Tư vấn kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm vật liệu xây dựng, tư vấn quản lý điều hành dự án; Cho thuê xe có động cơ;
 - Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
 - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
 - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than, nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Quản lý, bảo trì cơ sở hạ tầng đường bộ;
 - Tổ chức thu phí đường bộ;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Sản xuất bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
 - Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 70%

4 Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty: “Kinh doanh thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh”

- Định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Cân đối hài hoà giữa lợi nhuận và doanh thu, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và doanh thu hằng năm.

+ Lấy thi công xây dựng công trình làm trọng tâm, đồng thời thực hiện tốt công tác sản xuất vật liệu để hỗ trợ, trước mắt cần tận dụng tốt các cơ hội về khai thác sản xuất vật liệu tại các mỏ đá mà Công ty đang có.

- Tầm nhìn: Về qui mô tổ chức, cần định hướng phát triển Công ty đến giai đoạn 2016-2020 để trở thành một trong những doanh nghiệp xây lắp hàng đầu trong khu vực Tây Nguyên. Phải từng bước vững chắc đa dạng hoá ngành nghề, đồng thời phải có chính sách nhân sự tốt để tuyển chọn và đào tạo được đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn, từng ngành nghề.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

+ Công tác quản lý bảo trì đường bộ.

Năm 2015 Công ty tiếp tục thực hiện gói thầu BDTX Quốc lộ 26 và trúng thầu gói thầu BDTX Quốc lộ 29 (70Km); nhận thầu BDTX tỉnh lộ 9 (29km) và tỉnh lộ 13B (28km)

Tuyến đường Quốc lộ và Tỉnh lộ do Công ty quản lý luôn được êm thuận, thông suốt, tai nạn giao thông có xu hướng giảm theo từng năm, kể cả về số vụ, số người chết và bị thương, không có tai nạn giao thông do nguyên nhân cầu đường.

+ Công tác sản xuất vật liệu xây dựng.

Hiện tại Công ty có 04 mỏ đá (trong đó 02 mỏ đang dùng khoan nổ chờ gia hạn giấy phép), 01 Trạm trộn bê tông nhựa và 01 xưởng đúc cống va rung, kết quả công tác sản xuất vật liệu như sau:

TT	Tên bộ phận sản xuất	Sản lượng		Doanh thu (đồng)	So với kế hoạch (%)
		KH	Thực hiện		
1	Sản xuất đá (m ³)	60.000	64.132	11.592.592.732	106,0
2	Sản xuất BTN (tấn)	5.000	3.983,0		79,0
3	Sản xuất cống va rung (m)				

- Tổng sản lượng sản xuất đá là: 64.132 m³ đạt 106,0% so với kế hoạch, đạt 100,0% so với năm 2014.

- Tổng sản lượng sản xuất bê tông nhựa là: 3983,0 tấn, đạt 79% với kế hoạch,; Ống cống và rung không có sản xuất.

+ Công tác xây dựng công trình.

Năm 2015 Công ty tổ chức thi công các công trình chuyển tiếp từ những năm trước sang như: Gói thầu số 1 đường nội quốc lộ 26 với đường liên tỉnh ĐăkLăk – Phú Yên và một số công trình mới nhận trong năm 2015 như: Xây dựng cầu số 30 ; 32 trên Quốc lộ 26 ; Thảm BTN mặt đường Km 126-Km 130 Quốc lộ 26 ; Sửa chữa tỉnh lộ 13B ; Quốc lộ 29 và một số công trình sửa chữa nhỏ trên QL26.

Tổng giá trị sản lượng: 48.000.000.000 đồng

Doanh thu: **45.509.769.798 đồng**

Trong năm 2015 công tác tìm kiếm việc làm vô cùng khó khăn do Nhà nước chủ yếu tập trung vốn cho Quốc lộ 1A và đường Hồ chí Minh nên các dự án khác đều tạm dừng, vốn các địa phương ít, do vậy sản lượng doanh thu thấp.

+ Công tác tài chính:

Tiếp nối những năm trước, năm 2015 là năm mà các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp XDCCB nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, việc làm thiếu, nguồn vốn thanh toán chậm, hàng tồn kho tăng, doanh nghiệp luôn ở trong tình trạng thiếu vốn nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD chung của công ty. Mặc dù vậy nhưng các khoản công nợ phải trả trong năm cũng đã được thanh toán cơ bản, nợ ở trong hạn mức cho phép, đặc biệt là các các khoản lương, thưởng, chế độ cho người lao động, các khoản phải nộp Nhà nước như: Thuế, BHXH, BHYT, KPCĐ ...

Công tác quản lý tài chính – kế toán luôn luôn đảm bảo đúng pháp luật và chuẩn mực kế toán, tính toán nhu cầu vốn hợp lý, không để nợ quá hạn, sử dụng vốn vay đúng mục đích, được các ngân hàng thương mại ủng hộ và luôn được vay đủ, kịp thời từng bước cải thiện công tác quản lý và thu hồi công nợ. Kiểm soát chặt chẽ dòng lưu chuyển tiền tệ.

Tổ chức công tác hạch toán kế toán, quyết toán 6 tháng và quyết toán năm đúng và kịp thời, thực hiện qui chế công bố thông tin của Công ty đại chúng.

Tăng cường biện pháp quản lý công nợ, đối chiếu theo dõi thu hồi nợ kịp thời.

Công tác tổ chức bộ máy kế toán, lập luân chuyển, lưu trữ chứng từ phù hợp với tình hình thực tiễn tại Công ty, công tác lập các báo cáo tài chính đầy đủ kịp thời đúng theo qui định của Pháp luật.

Công tác đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ SXKD trong năm 2015 là: 2,5 tỷ đồng, toàn bộ các tài sản được đầu tư đều phát huy hiệu quả phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD năm 2015:

Năm 2015 là một năm công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn về việc làm, nguồn vốn trong XDCCB thiếu trầm trọng, thị trường vật liệu tiêu thụ chậm, thời tiết không

thuận lợi, đã ảnh hưởng không nhỏ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhưng được sự chỉ đạo của Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk, sự quan tâm giúp đỡ của Cục đường bộ III, sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty, đặc biệt là sự đoàn kết nhất trí trong tập thể CBCNV nên Công ty đã vượt qua được khó khăn trong năm 2015 với kết quả SXKD khá.

Kết quả SXKD năm 2015 như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt (%)
1	Doanh thu	Đồng	50.000.000.000	56.615.807.017	113,2
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.400.000.000	1.936.301.321	138,3
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	14,0	19,4	
4	Tổng thu nhập bình quân người lao động	Đồng	5.500.000	5.934.000	107,0
5	Nộp ngân sách	Đồng		5.787.506.085	
6	Đầu tư bổ sung TSCĐ	Đồng	2.500.000	2.570.009.092	100

2. Tổ chức nhân sự:

Mô hình tổ chức của Công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp về quản trị công ty, được nêu rõ trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Chi tiết về quyền hạn trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc được nêu trong điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có: 5 thành viên; Ban kiểm soát có: 3 thành viên; Ban giám đốc gồm có: 02 người; Phòng chức năng: 03 phòng; Các đơn vị trực thuộc: 8 đơn vị

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

1. Ông NGUYỄN MINH TIẾN Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 7,58 %

Năm sinh: 1964 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Xã Cổ Đạm, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Cổ Đạm, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: 369 Phạm Văn Đồng - TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Trình độ học vấn: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường Ô tô

Quá trình công tác:

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Nơi công tác
02/1989	05/1989	Cán bộ kỹ thuật Sở GTVT tỉnh ĐăkLăk
6/1989	4/1992	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp quản lý đường bộ 507
5/1992	5/1994	Cán bộ kỹ thuật tại Phân khu quản lý đường bộ 26
6/1994	12/1995	Phó phòng kỹ thuật quản lý giao thông Phân khu quản lý đường bộ 26
01/1996	4/1997	Trưởng phòng kỹ thuật quản lý giao thông Phân khu quản lý đường bộ 26
5/1997	6/1999	Phó giám đốc Phân khu quản lý đường bộ 26
7/1999	9/2001	Phó Thanh tra giao thông Khu QLDB V- Đội trưởng Đội TTrGT V-05
10/2000	12/2001	Phó Giám đốc Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ 26
01/2002	6/2006	Giám đốc Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ 26
7/2006	Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26

2. Ông TRẦN TRỌNG TUẤN Phó giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 1,52 %

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Xã An Dân, Huyện Tuy An, Tỉnh Phú Yên

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã An Dân, Huyện Tuy An, Tỉnh Phú Yên

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Phước An – Huyện Krông Păk, Tỉnh Đăk Lăk

Trình độ học vấn: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Nơi công tác
8/1985	11/1985	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp đường bộ 507
12/1985	10/1987	Cán bộ kỹ thuật Đội 74 – Xí nghiệp đường bộ 507
11/1987	10/1988	Đội phó đội 77 - Xí nghiệp đường bộ 507
11/1988	02/1992	Đội trưởng Đội 77 - Xí nghiệp đường bộ 507
3/1992	6/1999	Hạt trưởng Hạt quản lý quốc lộ KrôngPăk – Phân khu quản đường bộ 26
7/1999	7/2000	Phó phòng kỹ thuật Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ 26
8/2000	3/2004	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ ĐăkLăk
4/2004	6/2006	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ 26
7/2006	6/2008	Trưởng phòng kỹ thuật thi công Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26
7/2008	Nay	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26

3. Ông LƯƠNG HUY HOÀNG: Trưởng phòng Kế Hoạch – Kỹ thuật

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 4,53%

Năm sinh: 1969

Nơi sinh: Xã Sơn Mỹ, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Sơn Mỹ, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Xã Sơn Mỹ, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh

Trình độ học vấn: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Kỹ sư xây dựng; Cử nhân cao đẳng tin học;.

Quá trình công tác:

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Nơi công tác
3/1988	2/1992	Công nhân vận hành máy - Xí Nghiệp đường bộ 507
3/1992	6/1997	Công nhân vận hành máy – Phân khu quản lý đường bộ 26
7/1999	6/1999	Nhân viên Trạm cân xe Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ 26
7/1999	2/2003	Kế toán chính Đội Thanh tra giao thông V-05 – Thanh tra Khu quản lý đường bộ V
3/2003	8/2003	Nhân viên phòng Kế hoạch – Vật tư Công ty QL&SC đường bộ 26
8/2003	4/2006	Phó phòng Kế hoạch – Vật tư Công ty QL& SC đường bộ 26
5/2006	6/2015	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng; Trưởng phòng Kinh tế - Tài chính Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26
7/2015	Nay	Thành viên HĐQT; Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26

4. Ông BÙI HUY NGUYỆT: Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 5,27%

Năm sinh: 1968

Nơi sinh: Xã Diên Hùng, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Diên Hùng, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: TDP6 Phường Tân Hòa, Tp Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Nơi công tác
10/1995	9/2008	Nhân viên phòng Tài Chính – Kế toán Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ 26
10/2008	6/2015	Phó phòng Kinh tế - Tài chính Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26
7/2015	Nay	Kế toán trưởng; Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán Công ty cổ phần quản lý & xây dựng đường bộ 26

- Những thay đổi trong ban điều hành:
 - + Ông, Lương Huy Hoàng thôi giữ chức Kế toán trưởng; Kinh tế - Tài chính làm trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật
 - + Ông, Bùi Huy Nguyệt được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng; Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán
- Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc thực hiện theo Quy chế trả lương và phân phối quỹ tiền lương của Công ty và phù hợp với qui định của Pháp luật.
- Số lượng cán bộ công nhân viên:
 - Lao động thực tế sử dụng bình quân: 125 người
 - Lao động hợp đồng dài hạn có mặt đến ngày 31/12/2015: 125 người
 - Chính sách đối với người lao động Tuân thủ theo Bộ luật lao động của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản liên quan đến tuyển dụng, ký hợp đồng, sử dụng lao động. Giải quyết đúng đắn các chế độ chính sách cho CBCNV theo qui định của Nhà nước Ban hành thỏa ước lao động tập thể, Nội qui lao động phổ biến rộng rãi trong CBCNV. Đảm bảo đời sống ổn định, thu nhập cho CBCNV của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm công ty không có đầu tư thực hiện các dự án lớn

b. Các công ty con, công ty liên kết

Trong năm để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và tìm kiếm việc làm nên HĐQT họp và có Nghị quyết thành lập công ty con. là: Công ty cổ phần đường bộ 26.1. Công ty con được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001504699 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03 tháng 7 năm 2015 và cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 21/7/2015. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng trong đó vốn đầu tư của công ty mẹ chiếm 70%. Ngay sau khi thành lập công ty đã bắt tay vào thực hiện thi công một công trình do Công ty mẹ giao giá trị 15 tỷ đồng đã thực hiện giá trị sản lượng là 9 tỷ đồng và tìm ký hợp đồng thi công một công trình giá trị là 0.6 tỷ đồng.

- Tình hình tài chính công ty con:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản	Ngàn đồng		6.031.967	
2	Doanh thu thuần	Ngàn đồng		4.634.349	
3	Lợi nhuận hoạt động SXKD	Ngàn đồng		213.073	
4	Lợi nhuận khác	Ngàn đồng			
5	Lợi nhuận trước thuế	Ngàn đồng		213.073	
6	Lợi nhuận sau thuế	Ngàn đồng		167.359	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Đồng		650	

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2014 (ngàn đồng)	Năm 2015 (ngàn đồng)	(%) tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	37.581.282	50.958.726	35.6
2	Doanh thu thuần	35.492.413	56.275.720	58.56
3	Lợi nhuận hoạt động SXKD	2.005.962	2.562.632	27.75
4	Lợi nhuận khác	259.066	-123.746	-147.77
5	Lợi nhuận trước thuế	2.265.028	2.438.886	7.68
6	Lợi nhuận sau thuế	1.761.872	1.936.301	9.9
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,4	1,4	0

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

T	Chỉ tiêu	Đơn Vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn /Nợ ngắn hạn)	Lần	1,44	1.31	
	Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,11	0.95	
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
2	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,53	0.68	
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,12	2.09	
3	Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/Hàng tồn kho BQ)	Lần	4,6	4.83
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,94	1.10
	Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	HS lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,049	0.03
4	HS lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,11	0.12
	HS lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	0,046	0.04
	HS lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	Lần	0,056	0.05

5. Cơ cấu cổ đông:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Tỷ lệ/Vốn Đệ
1	1 cổ đông Nhà nước	316.290	31,63%
2	1 cổ đông tổ chức trong nước	1.410	0,14%
3	101 cổ đông cá nhân trong nước	682.300	68,23%
	TỔNG CỘNG	1.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Loại nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Bột khoáng	TAN	113
Bột sơn	KG	1 500
Đá các loại	M3	24 026
Dầu hỏa	LIT	280
Dầu Diesel	LIT	322 170
Dầu FO	LIT	36 457
Hạt thủy tinh	KG	550
Lốp ô tô	CAI	40
Nhựa đường	KG	310 569
Nhớt	LIT	3 768

Sắt các loại	KG	86 158
Sơn các loại	KG	2 456
Thuốc nổ AD1	KG	10 944
Thuốc nổ nhũ tương	KG	3 494
Xăng	LIT	7 030
Xi măng	TAN	18 601

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 408.288 KW

Điện năng tiêu thụ gián tiếp: 24.096 KW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Báo cáo các sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3 Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước tự nhiên

- Lượng nước sử dụng: 450.268 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và lượng nước tái chế: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 125 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 5.934.000 đồng/ người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động: Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; chi quý phúc lợi cho người lao động vào các dịp lễ tết: 1.300.000 đồng/ người/năm

c) hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và phân loại nhân viên:
Đào tạo nhân viên theo nhu cầu công việc

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Thường xuyên cho người lao động học tập nghiệp vụ và kỹ năng cho người lao động theo nhu cầu công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương: Hỗ trợ hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số; Đồn biên phòng.

6.7 Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

III- Báo cáo của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD năm 2015:

Do chưa sắp xếp lại lao động kịp thời, nên hiện nay lực lượng lao động gián tiếp nhiều, trong khi đó doanh thu thấp, các chi phí cố định như: chi phí quản lý doanh nghiệp; khấu hao TSCĐ; BHXH, KPCĐ .v.v trên đơn vị sản phẩm lớn, giá thành cao dẫn đến hiệu quả kinh doanh không cao.

Hội đồng quản trị chưa đề ra chiến lược và chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành hoạt động SXKD phù hợp với từng giai đoạn của nền kinh tế, chưa thực sự năng động để tìm ra các giải pháp khắc phục khó khăn, tìm kiếm việc làm, sắp xếp lại lao động để đáp ứng với từng thời điểm cụ thể.

Năng lực tài chính công ty được ổn định, Đội ngũ CBCNV toàn công ty đã nhận thức được sự khó khăn chung của nền kinh tế hiện nay, không dao động, đoàn kết nhất trí cùng lãnh đạo Công ty vượt qua được thử thách khó khăn trong năm 2015 của nền kinh tế.

Đối với người lao động: Công ty luôn đảm bảo đời sống vật chất cũng như tinh thần của CBCNV, thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động, thường xuyên phát động các phong trào thi đua, tổ chức cho đi học các khoá huấn luyện, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, để người lao động đủ năng lực, tin tưởng và yên tâm làm việc, tăng tính sáng tạo trong SXKD và vì sự phát triển chung của Công ty, ban hành Quy chế trả lương và phân phối quỹ tiền lương ngày càng hợp lý hơn.

Xây dựng khuôn viên văn phòng ngày càng khang trang sạch đẹp, tạo môi trường, mỹ quan văn minh nơi làm việc cho CBCNV.

Bên cạnh đó Công ty cũng tích cực tham gia công tác xã hội: Thực hiện tốt công tác kết nghĩa với Đoàn biên phòng Đá Bằng, Buôn Đăk, Buôn Hai thuộc xã CưM' Ta Huyện M' đrăk, ủng hộ của quỹ người nghèo, lũ lụt ...

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản có tại thời điểm 31/12/2015 là: 50.958.726.332 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 41.826.352.848 đồng; tài sản dài hạn là: 9.132.373.484 đồng. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản: 0,038 lần.

b. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả có tại thời điểm 31/12/2015 là: 34.477.074.318 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 31.852.074.318 đồng; nợ dài hạn là: 2.625.000.000 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý:

- Rà soát lại các Nội qui, Quy chế để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của công ty tại mọi thời điểm, bố trí sử dụng lao động hiệu quả, rà soát và sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có từ lao động quản lý đến lao động trực tiếp cho phù hợp với tình hình SXKD phức tạp trong năm 2015. Xem xét xây dựng mô hình công ty ổn định lâu dài về chiều rộng lẫn chiều sâu. Để đáp ứng hoàn thành công việc và ngành nghề kinh doanh mới, có thể xóa bỏ hoặc chuyển đổi mô hình một số đơn vị trực thuộc. Đổi tên Phòng Kinh tế - Tài chính thành phòng Tài chính -

Kế toán; phòng Kỹ thuật – Thi công thành phòng Kế hoạch – Kỹ thuật để chuyên môn hóa nghiệp vụ của các phòng;

- Đề ra các biện pháp thi công hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm trong hoạt động SXKD, thường xuyên phân tích đánh giá để lãnh đạo Công ty kịp thời có những quyết sách đúng đắn;

- Bố trí điều động xe máy thiết bị phù hợp tránh lãng phí, hạn chế thuê thiết bị ngoài. Kiểm soát chặt chẽ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Doanh thu: Phần đầu đạt tối thiểu 55 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt: 14 % vốn Điều lệ

- Thu nhập bình quân của người lao động: 6.000.000 đồng/người/tháng trở lên.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:

Công ty đã tiêu thụ nước, năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả. Xử lý chất thải tốt không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Thực hiện tốt công tác an ninh trật tự hỗ trợ người nghèo tại địa phương nơi đơn vị đóng quân; công tác đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện. Duy trì chăm lo động viên tinh thần với đơn vị kết nghĩa như: Đồn biên phòng Đá Bằng, Buôn Đăk, Buôn Hai thuộc xã CưM' Ta Huyện M' đrăk, ủng hộ của quỹ người nghèo, lũ lụt ...

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2015 là năm có rất nhiều khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và với hoạt động SXKD của Công ty đường bộ 26 nói riêng. Việc làm luôn luôn thiếu; các Doanh nghiệp cùng ngành nghề cạnh tranh quyết liệt trong việc tìm kiếm việc làm. Mặc dù vậy với việc dự kiến trước tình hình diễn biến giá cả nguyên vật liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng, lãnh đạo vào toàn thể CBCNV toàn Công ty đã nỗ lực khắc phục khó khăn, vượt qua nhiều trở ngại để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong đó:

- Giá trị tổng doanh thu: **56.615.807.017 đồng**; đạt 113% so với kế hoạch;

- Lợi nhuận sau thuế : **1.936.301.321 đồng**; đạt 138,0,0% so với kế hoạch.

- Thu nhập bình quân người lao động: **5.934.000 đồng**; đạt 107% so với KH

Trong năm 2015 Công ty làm rất tốt công tác vệ sinh môi trường và luôn luôn có trách nhiệm cao đối với công tác môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc:

Ban giám đốc đã bám sát các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT, linh hoạt trong điều hành để đưa công ty vượt qua được những thử thách khó khăn trong năm 2015.

- Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:
- Doanh thu: Phấn đấu đạt tối thiểu 55 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt: 14 % vốn Điều lệ
- Thu nhập bình quân của người lao động: 6.000.000 đồng/người/tháng trở lên.

V- Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của hội đồng quản trị: 5 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Tiến	Chủ tịch	20/06/2006	Kiểm giám đốc
2	Võ Văn Bản	Phó Ch.tịch	20/06/2006	
3	Trần Trọng Tuấn	Ủy viên	26/04/2011	Kiểm Phó giám đốc
4	Lương Huy Hoàng	Ủy viên	20/06/2006	Kiểm trưởng phòng KH-KT
5	Trịnh Văn Dũng	Ủy viên	20/06/2006	Kiểm đội trưởng

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc: Phân công cho từng thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực hoạt động SXKD, việc thực hiện Nghị quyết của Giám đốc đối với từng lĩnh vực đó. Định kỳ 01 Quý/ lần, bắt thường khi cần Giám đốc báo cáo HĐQT kết quả hoạt động SXKD và đề xuất các giải pháp cho HĐQT.

c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Định kỳ Quý/lần HĐQT Họp để tổng kết việc thực hiện Nghị Quyết của Quý trước và đề ra kế hoạch SXKD Quý sau; HĐQT Họp bắt thường khi cần thiết để giải quyết các vướng mắc và đề ra giải pháp các vấn đề cấp thiết.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: 3 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Lê Huy Cừ	Trưởng ban	20/06/2006	
2	Đào Mạnh Cường	Ủy viên	22/04/2009	
3	Bà, Lê Thị Năm	Ủy viên	22/04/2009	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều hưởng thù lao tại Công ty, định mức chi phí của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định. Không có thành viên HĐQT nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với Công ty.

Thù lao thành viên HĐQT, BKS: Mức phụ cấp của Chủ tịch HĐQT: 3.800.000 đ/tháng; Phó chủ tịch: 3.000.000 đ/tháng; ủy viên HĐQT: 2.800.000 đ/tháng; Trưởng ban kiểm soát: 2.600.000 đ/tháng; Ủy viên BKS: 2.400.000 đ/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ động nội bộ:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	SL CP đại diện	SL CP sở hữu	Tỷ lệ SH	Thay đổi
1	Nguyễn Minh Tiến	Chủ tịch	316.290	75.798	7,57	Có
2	Võ Văn Bản	Phó Ch.tịch		40.410	4,04	Không
3	Trần Trọng Tuấn	Ủy viên		15.226	1,52	Không
4	Lương Huy Hoàng	Ủy viên		45.378	4,53	Có
5	Trịnh Văn Dũng	Ủy viên		53.660	5,36	Không

VI- Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (có BCTC được kiểm toán kèm theo)



Nguyễn Minh Tiến